

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lan Chi

2. Ông Huỳnh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn, Tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Đỗ Ngọc T**, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp 7, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

- Bị đơn: **Anh Bùi Tiến L**, sinh năm 1973; Nơi đăng ký HKTT: ấp 4, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2018, các lời khai tại hồ sơ và phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đỗ Ngọc T trình bày:**

Chị Đỗ Ngọc T và anh Bùi Tiến L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau đến năm 2001 tổ chức đám cưới. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01 ngày 12/01/2001. Sau khi kết hôn, chị T, anh L về chung sống với gia đình chồng tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian chung sống vợ

chồng nảy sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do anh L ham mê đánh bạc, đá gà dẫn đến nợ nần, chị T phải cùng lo trả nợ cho anh L. Trong cuộc sống, anh L không có sự quan tâm, chăm sóc cho gia đình, khi chị T góp ý thì anh hành hung, đánh đập chị. Do không thể chịu đựng được, khoảng tháng 4/2003 chị T dẫn con bỏ về nhà bố mẹ ruột tại xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai sinh sống. Anh L đã gặp chị để nói chuyện, mong chị về chung sống chăm lo cho con nên chị đã bỏ qua mâu thuẫn vợ chồng để tiếp tục chung sống với anh L. Tuy nhiên, cuộc sống gia đình chị vẫn không thay đổi, anh L sống không có trách nhiệm với gia đình, một mình chị phải lo toan mọi chi phí sinh hoạt của gia đình, khi chị góp ý thì anh L lại hành hung chị dẫn đến chị phải trình báo đến Công an xã TP để được giải quyết. Do mâu thuẫn gia đình căng thẳng nên đầu năm 2009 anh L đã bỏ đi nơi khác sinh sống, chị và anh L sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Chị T và anh L có 02 con chung tên là Bùi Ngọc Thủy T1, sinh ngày 07/12/2001 và Bùi Ngọc Thanh M, sinh ngày 25/02/2003. Từ khi chị và anh L sống ly thân cho đến nay, một mình chị chăm sóc, nuôi dưỡng các con, các con đều phát triển tốt. Chị T yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng các con sau khi ly hôn, hiện chị có nơi cư trú ổn định, làm giáo viên có thu nhập hàng tháng khoảng 7.500.000 đồng, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Lời khai tại bản tự khai và các biên bản làm việc, bị đơn anh Bùi Tiến L trình bày:***

Anh L thống nhất với trình bày của chị T về quá trình kết hôn, chung sống của vợ chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Do anh L đi làm thợ hồ, chị T không tin tưởng, nghi ngờ anh tiêu tiền bên ngoài nên vợ chồng anh xảy ra cãi nhau. Chị T chỉ quan tâm đến tiền bạc mà không quan tâm tới cảm nhận của anh L nên trong lúc nóng giận anh đã tát chị T hai cái, chị T giận nên đòi ly hôn với anh L. Do giận chị T nên anh L đã ra ngoài sống từ năm 2007 cho tới nay. Năm 2009, anh L lên tỉnh Đắk Nông sinh sống với bố mẹ, đến năm 2013 anh quay về và sinh sống tại nhà trọ tại xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai cho tới nay. Trong thời gian ly thân anh L cũng có liên lạc để hàn gắn tình cảm với chị T và thăm nom các con nhưng anh và chị T lại gây gỗ, cãi nhau. Do anh là người có đạo và muốn hàn gắn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Anh chị có 02 con chung như chị T đã trình bày. Theo nguyện vọng của các con và để đảm bảo cho sự phát triển của con, nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý giao 2 con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi các con. Về tài sản chung, nợ chung, anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 19/01/2018, anh L có “Đơn xin vắng mặt”, yêu cầu tòa án cho anh vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:**

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thẩm quyền giải quyết vụ án, việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, gửi hồ sơ và tổng đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Ngày 19/01/2018 Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Ngọc T. Tuyên chị T được ly hôn với anh Bùi Tiến L. Con chung giao cho chị Đỗ Ngọc T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L được quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị T, anh L được quyền khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đỗ Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Bùi Tiến L, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Quá trình giải quyết vụ án, anh L xác định hiện đang sinh sống tại địa chỉ tạm trú là xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai. Ngày 08/01/2018 anh L có “Đơn lựa chọn Tòa án giải quyết”, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giải quyết vụ án để thuận tiện cho anh và chị T. Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 19/01/2018 anh L có “Đơn xin vắng mặt”, yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh Bùi Tiến L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Ngọc T và anh Bùi Tiến L chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/01/2001. Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị T và anh L là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T nhận thấy: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị đã nảy sinh mâu thuẫn không thể khắc phục nên từ năm 2007 anh chị đã sống ly thân, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết, chị T cương quyết được ly hôn với anh L. Anh L không đồng ý ly hôn với lý do anh có đạo và muốn hàn gắn tình cảm với chị T nhưng không đưa ra được

giải pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm qua. Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thiếu sự chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau dẫn đến phải sống ly thân.

Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh L không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu của chị T về việc nuôi dưỡng, giáo dục các con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi chị T và anh L sống ly thân một mình chị T phải chăm lo, nuôi dưỡng các con vẫn đảm bảo cho các con có cuộc sống tốt, phát triển bình thường. Nguyên vọng của cháu T1, cháu M đều mong muốn sống chung với mẹ, anh L cũng thống nhất. Chị T hiện là giáo viên có thu nhập và nơi cư trú ổn định, đảm bảo điều kiện chăm lo cho các con. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi con, giao cháu T1 và cháu M cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh L không phải cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Ngọc T về ly hôn, chị Đỗ Ngọc T được ly hôn với anh Bùi Tiến L.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Bùi Ngọc Thủy T1, sinh ngày 07/12/2001 và Bùi Ngọc Thanh M, sinh ngày 25/02/2003. Tạm thời anh Bùi Tiến L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đỗ Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000843 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Đỗ Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Bùi Tiến L vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Kiều Vân

